Họ và tên:……Lớp: 2A……

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN

BÀI 11.1: PHÂN SỐ CỦA SỐ

Bài 1: Tính

a, 84 ÷ 2 = ……. a, 92 ÷ 5 = …….

c, 65 ÷ 3 = ……. d, 57 ÷ 4 = …….

e, 95 ÷ 5 = ……. f, 49 ÷ 2 = …….

Bài 2. a) $\frac{1}{5}$ số ô tô dưới đây là bao nhiêu ô tô?

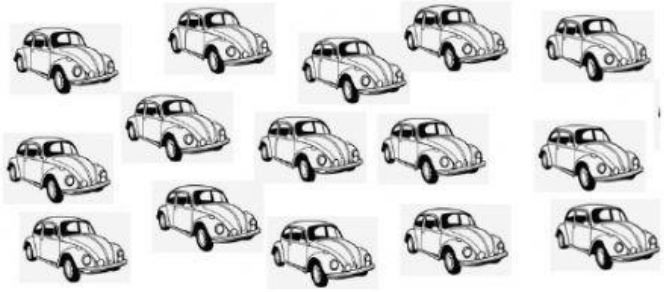

A. 2 ô tô B. 3 ô tô C. 4 ô tô

b) Phân số nào biểu diễn số ô tô còn lại?

A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{4}{5}$

Bài 3. Tìm giá trị của mỗi phân số.

a. $\frac{1}{4}$ của 8 = ☐ b. $\frac{2}{3}$ của 6 = ☐

c. $\frac{1}{2}$ của 18 = ☐ d. $\frac{3}{5}$ của 20 = ☐

e. $\frac{1}{3}$ của 21 = ☐ f. $\frac{2}{4}$ của 32 = ☐

g. $\frac{4}{5}$ của 25 = ☐ h. $\frac{1}{2}$ của 14 = ☐

i. $\frac{3}{4}$ của 24 = ☐ k. $\frac{2}{5}$ của 35 = ☐

LIVEWORKSHEETS

Bài 4. Một dải phân số dài 12 cm. Lan đánh dấu các điểm "phần tư" trên dải phân số này.

a. Bạn ấy cần đánh dấu $\frac{1}{4}$ tại mốc nào? Tại _____ cm.

b. Bạn ấy cần đánh dấu $\frac{2}{4}$ tại mốc nào? Tại _____ cm.

c. Bạn ấy cần đánh dấu $\frac{3}{4}$ tại mốc nào? Tại _____ cm.

Bài 5. Tìm giá trị tương ứng với các phân số sau của **16.**

16	$\frac{1}{2}$	$\frac{1}{3}$	$\frac{1}{4}$	$\frac{1}{8}$	$\frac{3}{4}$
		X			

LIVEWORKSHEETS